

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Hưởng ứng thông tin tích cực từ việc nâng hạng, VN-Index bật tăng ngay từ lúc mở cửa, vượt lên 1,700. Tuy nhiên, áp lực chốt lời xuất hiện khiến chỉ số lùi về giằng co trong vùng 1,680 – 1,704 trước khi đóng cửa tại mốc 1,697.83 điểm, tăng gần 13 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bán lẻ dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bảo hiểm, Hàng & dịch vụ công nghiệp. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX, UPCOM. Có thể thấy việc nâng hạng chính thức có hiệu lực từ tháng 9/2026 phụ thuộc vào kết quả đợt rà soát tháng 3/2026 chưa đủ hấp dẫn đối với nhà đầu tư, thể hiện ở xu hướng giao dịch giằng co và thanh khoản khiêm tốn. Thị trường cần một cây nến chỉ hướng với thanh khoản ủng hộ để xác nhận đà tăng mới nằm trên 1,700.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 08/10/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+12.53** điểm, đóng cửa tại **1697.83** điểm. HNX-Index **+0.47** điểm, đóng cửa tại **273.34** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+4.32)**, **VCB (+1.74)**, **CTG (+1.64)**, **VNM (+0.99)**, **MWG (+0.98)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.68)**, **TCB (-0.65)**, **LPB (-0.41)**, **FPT (-0.39)**, **VGC (-0.12)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **31,331** tỷ đồng, tăng **36.28%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 33,237 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 23.55 điểm. Thị trường có **181** mã tăng, 70 mã tham chiếu, **121** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **218.06** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **GEX (264.10 tỷ)**, **MWG (260.47 tỷ)**, **HPG (179.59 tỷ)**, **VCB (130.43 tỷ)**, **STB (108.14 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-62.35** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.95%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+4.27%) [\(Link báo cáo\)](#)
MWG (+3.59%) [\(Link báo cáo\)](#)
VNM (+3.26%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.73%**. Các mã diễn biến tích cực:
ANV (+6.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
TCH (+5.43%) [\(Link báo cáo\)](#)
DPG (+4.27%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.95%	0.73%	0.74%	0.70%
1 tuần	-0.02%	-0.84%	1.97%	2.80%
1 tháng	-1.06%	-0.79%	4.51%	6.40%
3 tháng	8.50%	13.62%	17.44%	22.53%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,697.83	273.34	110.43
% 1D	0.74%	0.17%	0.17%
GTKL (tỷ VND)	31,331	2,306	404
%1D	36.28%	31.81%	4.90%
GDNN (tỷ VND)	218.06	-62.35	-16.25

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GEX	264.10	SHB	-151.02
MWG	260.47	VRE	-148.91
HPG	179.59	MSN	-131.96
VCB	130.43	VCI	-109.49
STB	108.14	MBB	-108.95

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

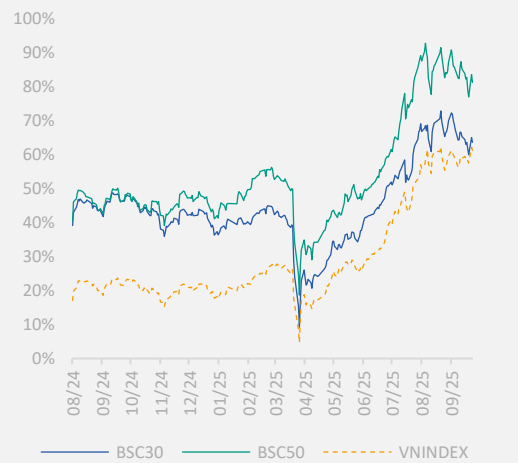
		%D	%W
SPX	6,715	-0.38%	0.39%
FTSE100	9,528	0.47%	0.86%
Eurostoxx	5,632	0.18%	1.02%
Shanghai	3,883	0.52%	1.59%
Nikkei	47,735	-0.45%	7.26%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	66.30	1.30%
Giá vàng	3,957	-1.38%
Tỷ giá		
USD/VND	26,389	-0.03%
EUR/VND	31,487	-0.56%
JPY/VND	177	-1.12%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.8%	0.00%
LS LNH 1M	5.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

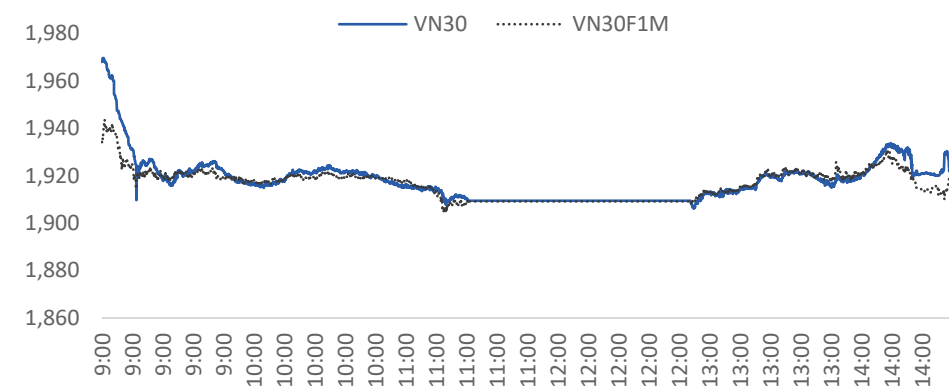
Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1913.10	0.16%	851	133.2%	20/11/2025	43
41I1FA000	1919.00	0.40%	318,272	50.1%	16/10/2025	8
VN30F2512	1912.90	0.44%	373	172.3%	18/12/2025	71
41I1G3000	1890.20	0.48%	182	163.77%	19/03/2026	162

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +13.30 điểm, đóng cửa tại 1922.95 điểm. Biên độ dao động 27.69 điểm. Các cổ phiếu như VHM, MWG, VNM, STB, VRE tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Thị trường bật tăng đầu phiên sáng nhờ tin tức tích cực về nâng hạng thị trường. VN30 bật tăng cuối phiên và đóng cửa trong sắc xanh với thanh khoản nằm trên ngưỡng MA20 cho thấy tâm lý thị trường được cải thiện. Chiến lược giao dịch là Long/Short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVRE2520	23/06/2026	258	10,200	13.31%	32.70	2,810	33.8%	2.28	41.13	36.30	36.30
CFPT2502	27/10/2025	19	502,100	55.88%	146.62	80	33.3%	0.00	147.31	94.50	94.50
CVHM2521	25/05/2026	229	95,700	130.53%	115.68	3,810	30.5%	0.00	146.16	63.40	63.40
CVNM2512	14/10/2025	6	609,600	-1.06%	58.92	790	25.4%	0.94	62.73	63.40	63.40
CVNM2516	3/12/2025	56	539,600	8.01%	64.00	560	24.4%	0.27	68.48	63.40	63.40
CVNM2407	4/11/2025	27	1,348,900	8.59%	65.17	640	23.1%	0.15	68.84	63.40	63.40
CMWG2407	4/11/2025	27	2,634,800	-0.32%	69.01	1,950	18.9%	2.06	80.54	80.80	80.80
CVNM2509	23/02/2026	138	416,000	17.60%	69.54	650	18.2%	0.21	74.56	63.40	63.40
CVRE2505	23/10/2025	15	100	-0.99%	17.00	9,470	14.8%	9.67	35.94	36.30	36.30
CVRE2513	15/12/2025	68	817,000	2.42%	30.00	3,590	14.7%	3.40	37.18	36.30	36.30
CVNM2513	15/12/2025	68	666,800	4.35%	60.85	1,100	14.6%	0.87	66.16	63.40	63.40
CVHM2514	15/12/2025	68	266,900	0.84%	72.00	7,280	14.3%	7.23	108.40	107.50	107.50
CVNM2508	19/11/2025	42	309,400	10.53%	67.61	320	14.3%	0.08	70.08	63.40	63.40
CVIC2508	19/12/2025	72	100	-7.95%	61.00	20,590	13.9%	23.53	163.95	178.10	178.10
CMWG2512	14/10/2025	6	231,800	-0.75%	64.08	3,270	13.9%	3.40	80.20	80.80	80.80
CMWG2507	19/11/2025	42	138,600	1.10%	65.72	1,620	13.3%	1.58	81.69	80.80	80.80
CMSN2507	20/10/2025	12	268,500	1.94%	78.00	620	12.7%	0.52	84.20	82.60	82.60
CVHM2517	3/12/2025	56	3,000	3.06%	88.89	4,380	12.6%	3.92	110.79	107.50	107.50
CVHM2408	4/11/2025	27	200	-2.33%	38.00	16,750	12.0%	17.41	105.00	107.50	107.50
CMWG2513	15/12/2025	68	1,864,200	1.88%	66.05	3,300	11.9%	3.19	82.32	80.80	80.80

Nguồn: BSC

- Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 08/10/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
 - CVRE2520 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 33.81%. CVHM2513 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.50%.
 - CVHM2521, CFPT2503, CFPT2502, CTPB2510, CFPT2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2502, CVIC2506, CVIC2507, CVIC2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	107.50	4.27%	4.32	4.11
VCB	64.60	1.41%	1.74	8.36
CTG	52.90	2.52%	1.64	5.37
VNM	63.40	3.26%	0.99	2.09
MWG	80.80	3.59%	0.98	1.48

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	147.50	1.24%	0.25	0.20
CEO	24.90	2.05%	0.20	0.57
SHS	26.60	1.14%	0.18	0.89
PVS	32.40	1.25%	0.13	0.48
KSF	90.90	0.66%	0.12	0.30

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HHP	10.70	7.00%	0.01	1.04
GEE	125.70	6.98%	0.73	1.55
ANV	32.25	6.97%	0.14	3.82
PNC	29.40	6.91%	0.00	0.00
L10	22.65	6.84%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PTX	22.90	9.57%	0.05	0.00
VLA	10.00	8.70%	0.01	0.00
MBG	3.90	8.33%	0.14	0.81
POT	20.50	6.77%	0.10	0.00
PGS	46.50	5.68%	0.48	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	178.10	-1.06%	-1.68	3.88
TCB	38.60	-1.03%	-0.65	7.09
LPB	52.00	-1.14%	-0.41	2.99
FPT	94.50	-1.05%	-0.39	1.70
VGC	52.90	-2.22%	-0.12	0.45

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BAB	13.50	-2.17%	-0.19	0.96
IDC	37.60	-1.31%	-0.13	0.38
HUT	16.90	-0.59%	-0.07	1.07
DTK	12.30	-0.81%	-0.05	0.68
NTP	62.60	-0.63%	-0.05	0.17

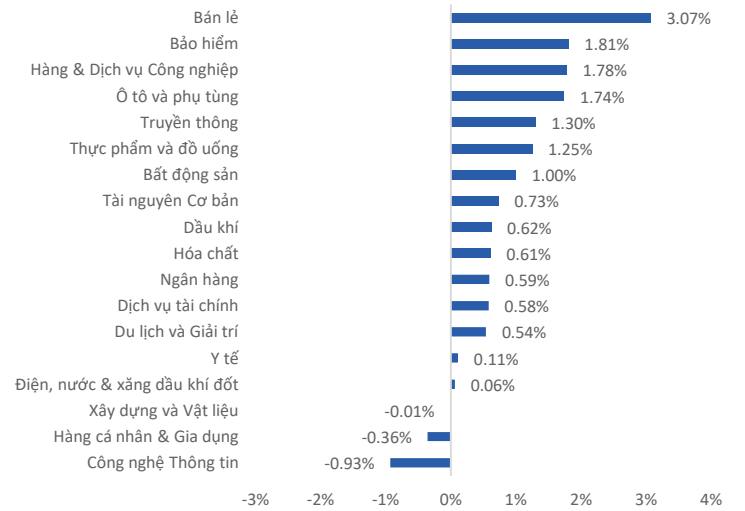
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMG	8.35	-6.07%	-0.01	0.00
VMD	16.55	-5.43%	0.00	0.15
S4A	34.80	-4.40%	-0.01	0.00
ADG	9.10	-4.11%	0.00	0.01
VSC	26.90	-3.76%	-0.09	16.91

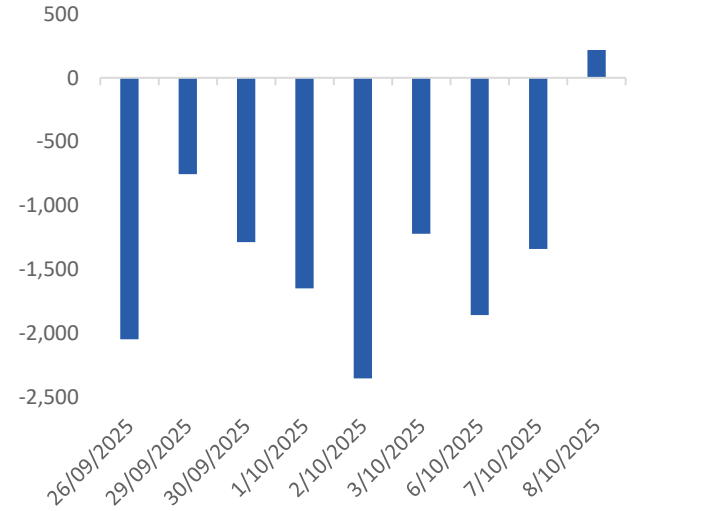
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SDU	20.10	-9.87%	-0.14	0.00
GDW	39.60	-9.79%	-0.13	0.00
TMX	9.30	-9.71%	-0.02	0.00
TTT	34.30	-9.50%	-0.05	0.00
INN	44.10	-8.13%	-0.35	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	80.8	3.6%	1.3	119,459	1448.4	3,304	24.5	100,800	46.3%	Link
KBC	Bất động sản	35.3	0.7%	1.2	33,197	170.8	1,835	19.2	46,000	11.6%	Link
KDH	Bất động sản	32.4	0.5%	1.4	36,360	240.2	716	45.3	39,900	29.1%	Link
PDR	Bất động sản	22.7	-0.2%	1.6	22,242	346.4	177	128.5	28,200	9.1%	Link
VHM	Bất động sản	107.5	4.3%	0.9	441,547	944.7	6,984	15.4	92,000	9.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	94.5	-1.1%	0.7	160,981	609.2	5,092	18.6	118,700	36.4%	Link
BSR	Dầu khí	26.6	0.8%	0.0	82,473	150.9	(16)		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	32.4	1.3%	1.6	15,486	56.4	2,644	12.3	42,800	9.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	27.4	-0.7%	1.4	29,591	391.7	1,199	22.9		35.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	41.2	1.0%	1.4	85,528	2231.2	1,568	26.3		36.8%	
VCI	Dịch vụ tài chính	43.8	0.6%	1.3	31,650	547.8	1,368	32.0		25.4%	
DCM	Hóa chất	36.1	1.3%	1.4	19,085	83.6	3,186	11.3	47,300	6.1%	Link
DGC	Hóa chất	94.4	1.5%	1.4	35,851	166.7	8,175	11.6	109,300	12.2%	Link
ACB	Ngân hàng	26.8	1.1%	1.0	137,406	487.2	3,305	8.1	28,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	40.5	-0.1%	1.0	284,014	186.8	3,683	11.0	49,500	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	52.9	2.5%	1.2	284,073	636.2	5,608	9.4	53,500	26.2%	Link
HDB	Ngân hàng	31.5	0.5%	1.2	109,920	618.7	4,075	7.7	30,800	16.8%	Link
MBB	Ngân hàng	26.9	0.0%	1.2	216,277	882.3	3,046	8.8	32,000	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	13.6	1.5%	1.1	42,432	319.7	1,634	8.3	14,000	29.6%	Link
STB	Ngân hàng	59.9	2.4%	1.0	112,924	619.0	6,148	9.7		17.6%	
TCB	Ngân hàng	38.6	-1.0%	1.0	273,529	806.7	3,017	12.8	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	19.5	0.5%	1.2	51,386	423.2	2,423	8.0	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	64.6	1.4%	1.0	539,777	533.8	4,148	15.6	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	20.1	-0.7%	0.9	68,250	207.0	2,218	9.0	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	31.1	0.2%	1.0	246,745	906.2	2,193	14.2	35,600	24.2%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	29.2	0.7%	1.3	224,124	1813.9	1,750	16.7	34,300	19.0%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.8	1.6%	1.3	11,674	66.6	751	25.0	23,800	8.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.5	1.1%	1.3	10,584	135.2	4,124	6.7	31,700	3.9%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	82.6	0.1%	1.3	119,433	976.3	1,861	44.4	92,700	24.2%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	63.4	3.3%	0.7	132,503	371.3	4,101	15.5	64,500	48.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	41.3	0.49%	1.4	9,041	84.9	2,216	18.6	22.0%	16.2%	Link
FRT	Bán lẻ	133.6	2.38%	0.9	22,752	141.7	3,163	42.2	30.2%	24.9%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.8	2.62%	1.3	40,679	13.1	3,278	16.7	27.1%	10.5%	
DIG	Bất động sản	21.6	-2.27%	1.4	13,931	846.1	211	101.9	4.3%	1.8%	
DXG	Bất động sản	20.7	0.24%	1.5	21,040	639.3	350	59.1	22.5%	2.8%	Link
HDC	Bất động sản	35.5	2.31%	1.3	6,332	122.4	482	73.7	4.8%	3.8%	
HDG	Bất động sản	32.4	2.86%	1.5	11,987	153.3	540	60.0	18.6%	3.2%	Link
IDC	Bất động sản	37.6	-1.31%	1.4	14,269	87.4	3,977	9.5	14.8%	27.3%	Link
NLG	Bất động sản	38.9	-1.02%	1.4	14,979	178.2	1,709	22.8	43.9%	6.9%	Link
SIP	Bất động sản	54.9	0.00%	1.2	13,292	10.2	5,215	10.5	3.3%	28.1%	
SZC	Bất động sản	33.4	0.60%	1.1	6,012	14.3	1,978	16.9	2.6%	11.4%	Link
TCH	Bất động sản	23.3	5.43%	1.4	20,240	306.8	1,112	21.0	10.8%	8.0%	Link
VIC	Bất động sản	178.1	-1.06%	0.9	686,222	585.0	3,487	51.1	3.7%	9.6%	
VRE	Bất động sản	36.3	3.71%	0.9	82,485	616.9	1,937	18.7	16.6%	10.4%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.8	0.38%	1.4	8,427	9.0	1,700	23.4	38.4%	12.5%	Link
PLX	Dầu khí	34.0	0.15%	1.0	43,137	35.5	1,661	20.4	15.7%	8.2%	Link
PVD	Dầu khí	21.4	1.43%	1.3	11,868	61.3	1,428	15.0	3.6%	5.0%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.1	0.00%	1.4	12,509	54.7	1,348	26.8	25.0%	10.9%	
MBS	Dịch vụ tài chính	35.0	0.29%	1.7	23,055	341.6	1,498	23.4	5.5%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	60.9	0.00%	1.1	146,949	23.3	5,002	12.2	1.7%	19.4%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.4	0.35%	1.3	33,606	85.1	636	22.6	2.5%	4.6%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.0	0.15%	0.8	35,208	17.5	4,417	14.7	49.0%	12.6%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	133.4	0.00%	0.9	78,921	545.1	3,427	38.9	7.0%	9.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.2	1.10%	1.4	49,812	808.9	1,736	31.8	7.5%	11.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	67.5	1.50%	1.2	28,788	94.2	3,825	17.7	42.0%	12.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.9	-0.72%	1.1	9,270	58.1	5,700	9.6	5.8%	30.7%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.1	0.84%	1.2	8,482	40.2	2,306	7.8	8.3%	13.8%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	96.3	0.84%	0.0	11,728	23.9	3,317	29.0	4.5%	25.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	84.0	-1.06%	1.2	28,657	30.1	6,115	13.7	48.8%	18.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.3	0.34%	1.0	3,283	36.1	2,693	10.9	49.4%	13.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.2	-0.52%	1.4	2,354	11.7	2,841	6.8	17.2%	18.6%	Link
DPM	Hóa chất	24.1	0.21%	1.2	16,386	68.8	957	25.2	6.1%	5.8%	Link
GVR	Hóa chất	27.5	0.37%	1.3	109,800	28.4	1,331	20.6	0.4%	9.9%	
EIB	Ngân hàng	26.0	1.36%	1.3	48,431	168.8	1,783	14.6	4.8%	13.1%	Link
LPB	Ngân hàng	52.0	-1.14%	0.5	155,339	162.3	3,324	15.6	0.9%	23.3%	Link
NAB	Ngân hàng	15.0	1.01%	0.0	25,735	21.7	2,260	6.6	1.4%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	13.0	0.78%	1.0	34,620	47.4	1,130	11.5	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.7	2.31%	1.4	7,922	185.0	666	26.6	6.4%	3.6%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	32.3	6.97%	1.5	8,587	121.3	1,871	17.2	4.7%	16.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.0	0.14%	0.6	10,641	62.3	1,981	17.7	3.3%	15.5%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.0	-0.11%	0.7	58,934	28.6	3,185	14.4	58.4%	17.5%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.2	1.10%	1.2	12,390	97.5	6,444	8.6	19.7%	16.3%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	142.5	0.64%	0.7	11,665	4.5	13,894	10.3	85.1%	39.8%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	86.8	0.93%	1.4	8,804	92.1	4,565	19.0	48.0%	5.2%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	83.6	0.60%	1.3	9,563	9.1	4,930	17.0	5.5%	29.9%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	47.7	4.27%	1.4	4,803	182.0	2,518	18.9	6.2%	12.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.5	0.32%	1.3	7,710	125.5	1,077	14.4	10.5%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.8	-0.20%	1.1	8,852	68.8	1,189	20.8	14.2%	7.7%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	27.7	-1.07%	1.2	17,907	348.2	1,195	23.2	8.1%	9.5%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	52.9	-2.22%	1.4	23,718	84.7	3,343	15.8	5.8%	17.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
2	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
4	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
7	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
12	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
13	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
14	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
26	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>